

TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH RUỘNG ĐẤT ĐỐI VỚI SỰ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI Ở MIỀN NAM VIỆT NAM TRONG KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ

Phạm Thị Phương Thúy¹

TÓM TẮT

Sau chiến thắng Điện Biên Phủ và việc ký kết Hiệp nghị Genève năm 1954, Mỹ thay chân Pháp tiến hành cai trị miền Nam theo lối chủ nghĩa thực dân kiểu mới. Trong suốt 20 năm tiến hành cuộc chiến tranh xâm lược miền Nam Việt Nam, đế quốc Mỹ và chính quyền Sài Gòn luôn coi “cải cách điền địa” và “bình định nông thôn” là “quốc sách”, là yếu tố quan trọng quyết định sự thành bại của cuộc chiến. Nông dân - nông thôn đã trở thành đối tượng, địa bàn giành giật quyết liệt giữa ta và địch trong suốt cuộc chiến tranh lâu dài và khốc liệt. Chính những chính sách ruộng đất của Mỹ - Việt Nam Cộng hòa và chính quyền Cách mạng đã tạo nên sự thay đổi to lớn về kinh tế - xã hội ở nông thôn miền Nam giai đoạn này. Bài viết này tập trung vào hai vấn đề chính: một là chính sách ruộng đất của Mỹ - Việt Nam Cộng hòa và của chính quyền Cách mạng, hai là tác động của những chính sách đó đối với nông nghiệp, nông thôn miền Nam trong kháng chiến chống Mỹ.

Từ khóa: Cải cách điền địa, người cày có ruộng, chính sách ruộng đất

1. Mở đầu

Cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của nhân dân ta (1954 - 1975) dưới sự lãnh đạo của Đảng được xem là một trong những cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ Quốc vĩ đại nhất của dân tộc Việt Nam. Đế quốc Mỹ khi can thiệp vào miền Nam phải đối đầu với một dân tộc vừa giành thắng lợi trong cuộc Cách mạng tháng 8 - 1945, trong cuộc kháng chiến chống Pháp (1945 - 1954) và đại đa số dân tộc ấy lại là nông dân. Do vậy, một trong những vấn đề mà chúng ta buộc phải quan tâm là nông dân và gắn với nông dân là ruộng đất, vì từ sau Cách mạng tháng 8 - 1945 nông dân đã vươn lên nắm lấy chính quyền ở nông thôn và làm chủ một phần ruộng đất.

Chính vì vậy trong suốt 20 năm xâm lược miền Nam, đế quốc Mỹ và chính quyền Sài Gòn đã công khai giành giật trận địa nông nghiệp với Cách mạng bằng những chính sách ruộng đất hết sức phản động nhằm xóa

bỏ thành quả cách mạng, tranh thủ, lôi kéo và tách nông dân ra khỏi sự ảnh hưởng của Cách mạng với mục đích cuối cùng là áp đặt chủ nghĩa thực dân mới vào miền nam Việt Nam.

2. Nội dung

2.1. Chính sách ruộng đất của chính quyền Mỹ - Việt Nam Cộng hòa và chính quyền Cách mạng qua các giai đoạn

- Giai đoạn 1955 - 1960:

Sau chiến thắng Điện Biên Phủ, theo quyết định của Hiệp định Genève, Việt Nam bị phân chia làm hai miền Nam - Bắc. Lợi dụng sự suy yếu của Pháp, Mỹ nhảy vào miền Nam, đưa tay sai Ngô Đình Diệm lên nắm chính quyền.

Khác với Pháp, Mỹ sớm nhận thức được vấn đề nông thôn - nông dân - ruộng đất. Do vậy, chúng đã giúp Diệm thực hiện “cải cách điền địa”. Tuy nhiên, mục đích “cải cách điền địa” của Diệm không nhằm tạo lập chủ nghĩa tư bản ở nông thôn mà là duy trì quan hệ

¹Trường Đại học Đồng Nai

Email: lephamphuonglinh2014@gmail.com

sản xuất phong kiến, khôi phục giai cấp địa chủ - chỗ dựa về mặt xã hội của chính quyền Diệm. Nội dung chương trình “cải cách điền địa” của Mỹ - Diệm được thể hiện trong các dụ số 2 (8-1-1955), dụ số 7 (5-2-1955) và dụ số 57 (20-10-1956) [1, tr. 24-25].

Dụ số 2 và dụ số 7 quy định việc lập “khế ước tá điền” tức là bắt nông dân phải thừa nhận về mặt pháp lý quyền sở hữu ruộng đất của địa chủ trên những ruộng mà cách mạng đã cấp cho nông dân. “Điều đó có nghĩa là người nông dân phải quay lại với thân phận làm thuê cuộc mưu sinh của người tá điền với mức tô phổ biến tăng lên. Nhiều địa chủ trong kháng chiến chống Pháp phải bỏ chạy vào thành phố, nay quay về nông thôn đòi ruộng đất, tăng tô, thậm chí truy tố những năm mà chúng không thu được” [2, tr. 196].

Dụ số 57 quy định việc “truất hữu” ruộng đất của địa chủ. Mỗi địa chủ được quyền giữ lại 100 ha ruộng đất canh tác và thêm 15 ha ruộng hương hỏa. Trong số 15 ha này, địa chủ có quyền lựa chọn bất kỳ thửa ruộng nào tùy ý. Ruộng “truất hữu” được Diệm bồi thường cho địa chủ theo giá 10% tiền mặt, số còn lại trả bằng trái phiếu với lãi suất 5% một năm trong vòng 12 năm. Về phần ruộng “truất hữu” sẽ đem bán lại cho những người thiếu ruộng, mỗi hộ không quá 5 ha và phải trả tiền mua đất trong 6 năm [1, tr. 25]. Trong 6 năm ấy ruộng đất vẫn thuộc quyền sở hữu của Diệm.

Với chương trình “cải cách điền địa” như vậy, Mỹ - Diệm âm ỉ tuyên truyền: “việc lập khế ước giữa chủ điền và tá điền là để bảo vệ quyền lợi tá điền” và “nhằm cải thiện mối giao dịch giữa chủ điền và

tá điền, khuyến khích việc khai khẩn đất hoang”, “việc đảm bảo quyền lĩnh canh và giảm mức địa tô 25% đã phá vỡ tính chất bóc lột cổ truyền của chế độ chiếm hữu địa chủ Việt Nam. Còn dụ số 57 thì bề ngoài có vẻ “cách mạng” vì nó “hạn chế điền sản” của địa chủ ở mức 115 ha và “truất hữu” số ruộng đất ngoài giới hạn đó đi “phân chia ruộng đất cho công bằng, giúp tá điền trở nên tiểu điền chủ”. Thực chất, tất cả chỉ nhằm giúp địa chủ vừa kinh doanh ruộng đất tư bản bằng bóc lột địa tô, vừa chuyển sang kinh doanh công thương nghiệp, tạo dần cơ sở xã hội rộng rãi cho chính quyền Ngô Đình Diệm. “Chính sách ruộng đất của Mỹ - Diệm ra đời nhằm xóa bỏ thành quả cách mạng, cướp lại ruộng đất của nông dân, khôi phục và duy trì chế độ sở hữu ruộng đất của giai cấp địa chủ, đồng thời cũng nhằm sửa sang lại chế độ sở hữu ruộng đất đó để lừa bịp, tranh giành nông dân với cách mạng” [1, tr. 26]. Chỉ trong vòng 4 tháng khi ban bố dụ số 57 đã có 2.600 địa chủ kê khai là họ sở hữu 1.075.000 ha, bình quân 415 ha/người, trong khi đó số ruộng đất “truất hữu” đem bán cho nông dân đến năm 1970 mới chỉ có 298.347 ha, tức chỉ chiếm 28% diện tích ruộng đất mà địa chủ đã kê khai từ năm 1956 [3, tr. 28]. Tính đến tháng 4 năm 1960, khi chính quyền Diệm tuyên bố “cải cách điền địa” đã kết thúc thì ở miền Nam, địa chủ có từ 50 ha trở lên chỉ chiếm 2,5% dân số nhưng lại chiếm đến 45% diện tích canh tác, số còn lại 12,5% diện tích canh tác là thuộc về phú nông và nông dân lao động. Theo tài liệu của Bộ Quốc phòng Mỹ, đến cuối năm 1959, giai cấp địa chủ đã cướp lại 80-90% số ruộng đất mà cách mạng đã cấp cho nông dân,

năm 1970 thì 75% đất đai vẫn nằm trong tay 15% dân số [1, tr. 28].

Tuy nhiên, “cải cách điền địa” của Diệm đã “tán công” dữ dội vào tầng lớp trung nông. Năm 1956, với chương trình “cải cách điền địa” của Diệm, chế độ sở hữu của giai cấp địa chủ được phục hồi, chế độ tá canh không những không bị tiêu diệt mà còn được khôi phục và duy trì. Tính đến năm 1960, ở Nam Bộ, 45% diện tích đất trồng trọt vẫn thuộc quyền sở hữu của đại địa chủ (25% dân số), 42,5% diện tích tập trung trong tay địa chủ vừa và nhỏ (11,1% dân số), số còn lại 12,5% diện tích canh tác thuộc quyền sở hữu của phú nông và nông dân lao động [4, tr. 13]. Tầng lớp trung nông bị đả kích nặng nề và giảm sút nghiêm trọng.

Còn đối với phú nông, bước vào cuộc kháng chiến chống Pháp (1945 - 1954), dưới tác động của chính sách ruộng đất của Đảng, kinh tế phú nông bị sút kém vì nguồn nhân công để bóc lột đã giảm đi đáng kể. Đông đảo thanh niên nông thôn đã hăng hái tham gia bộ đội và phục vụ tiền tuyến. Bên cạnh đó việc cho vay của phú nông cũng đã bị hạn chế do tác động của chính sách giảm tức của Đảng. Thời kỳ 1954 - 1960, tình hình của tầng lớp phú nông cũng chưa có gì chuyển biến đáng kể.

Như vậy, về cơ bản “cải cách điền địa” của Diệm cho đến năm 1960 đã khôi phục lại chế độ sở hữu ruộng đất của giai cấp địa chủ và tình trạng những người không ruộng đất hoặc thiếu ruộng vẫn ở mức độ cao dù không bằng mức độ trước năm 1945.

- Giai đoạn 1960 - 1975:

Đứng trước chính sách “cải cách điền địa” hết sức phản động của Mỹ -

Diệm, từ những năm 60, Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam ra đời đã nêu cao khẩu hiệu “thực hiện giảm tô, đảm bảo nguyên canh, chia lại công điền, tiến tới cải cách điền địa” và “đảm bảo quyền sở hữu ruộng đất khai hoang cho người có công khai phá. Bảo hộ quyền sở hữu chính đáng về ruộng đất đã được chia của nông dân... Bãi bỏ các “khu trừ mật”, chế độ bắt dân đi “dinh điền”. Đồng bào đã bị cưỡng bức vào khu “trừ mật” và “dinh điền” được tự do trở về sinh sống, làm ăn trên ruộng đất của mình. Thu ruộng đất của đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai để chia cho dân cày nghèo không có ruộng hoặc có ít ruộng. Chia lại công điền cho công bình, hợp lý. Bằng thương lượng và giá cả công bằng hợp lý, nhà nước mua lại ruộng đất của điền chủ (có từ mức độ nào trở lên là tùy tình hình ruộng đất của mỗi địa phương) đem chia cho nông dân không đất hoặc thiếu đất. Nông dân được chia ruộng đất không phải trả tiền và không bị ràng buộc bởi điều kiện nào” [1, tr. 64].

Chính sách ruộng đất của Đảng được thực hiện mạnh mẽ trong và sau phong trào Đồng Khởi ở miền Nam cuối năm 1959 đầu năm 1960. Một trong những nguyên nhân làm dấy lên phong trào này chính là chính sách cướp đoạt ruộng đất và các chính sách đàn áp, khủng bố hết sức dã man của chính quyền Ngô Đình Diệm. Phong trào Đồng Khởi bắt đầu từ Bến Tre và đã lan nhanh khắp vùng đồng bằng Nam Bộ, Mỹ Tho, Tân An, Trà Vinh, Bạc Liêu, Rạch Giá,... Ở nông thôn, khẩu hiệu hành động tất yếu của phong trào đấu tranh chính trị, đấu tranh vũ trang sôi nổi của quần chúng là chính

quyền và ruộng đất. Đồng Khởi thực chất là “phong trào khởi nghĩa của quần chúng nông dân, một cuộc khởi nghĩa từng phần, phát triển từng bước ở nông thôn nhằm giành lấy chính quyền cơ sở và một lần nữa giành lại ruộng đất về tay mình” [3, tr. 33]. Gò Công (Mỹ Tho) là nơi mà Mỹ - Diệm phân công mạnh mẽ vào những thành quả cách mạng về ruộng đất của ta, đến năm 1960 nông dân ở đây đã giành lại được 2/3 ruộng đất mà Mỹ - Diệm cướp đoạt. Cũng trong năm 1960, ở 6 tỉnh miền Trung Nam Bộ, nông dân đã giành được quyền làm chủ trên 60.000 ha đất mà chính quyền Cách mạng đã cấp trong kháng chiến, giữ nguyên canh trên 50.000 ha, không đóng tô, không phải nộp 2/3 số thuế năm 1959 cho Mỹ - Diệm. Riêng ở Tây Nam Bộ, số ruộng đất mà nông dân giành lại được là 10 vạn ha trong số 27 vạn ha Mỹ - Diệm cướp đoạt [5, tr. 21].

Ở miền Nam, tính đến cuối năm 1960, nông dân đã làm chủ được 698.690 ha ở 6 tỉnh. Cụ thể như sau: Trà Vinh - 65% diện tích, Sóc Trăng - 70%, Vĩnh Long - 75%, Cà Mau - 82% [1, tr. 67-68].

Về giai cấp địa chủ, ở miền Tây Nam Bộ đến cuối năm 1965 trong tổng số 1.304.700 ha canh tác thì địa chủ chiếm 252.570 ha, chiếm 19% diện tích canh tác trên toàn miền [3, tr. 27].

Như vậy, giai cấp địa chủ ở vùng giải phóng đã bị suy yếu đi khá nhiều từ sau Đồng Khởi năm 1960, một số địa chủ đã thực sự chuyển hướng xuống phú nông hay trung nông. Phong trào Đồng Khởi đã tạo điều kiện cho trung nông phục hồi và phát triển mạnh mẽ. Nếu như trước Cách mạng tháng 8 - 1945, ở

nông thôn miền Nam, trung nông chỉ chiếm 1/4 nhân khẩu và ruộng đất của trung nông dưới tỷ lệ 1/4 thì từ sau 1960, ở vùng nông thôn giải phóng, trung nông đã trở thành lực lượng đông đảo nhất, điều này có ý nghĩa quan trọng đối với cơ cấu giai cấp xã hội trong nông thôn miền Nam. Có thể thấy rằng ở vùng giải phóng Nam Bộ, từ sau năm 1960, số ruộng đất mà tầng lớp trung nông làm chủ chiếm từ 60-91% ruộng đất của vùng; về số hộ ở địa phương thì trung nông chiếm từ 51-87%, trong đó trung nông mới chiếm 37-75%.

Rõ ràng, với một lực lượng như vậy, tầng lớp trung nông đã trở thành lực lượng chiếm đa số ở vùng giải phóng và đóng vai trò quan trọng trong sản xuất nông nghiệp ở đây. Cũng chính vì vậy, trung nông rất gắn bó với cách mạng, với Đảng, họ có tinh thần chiến đấu cao và cũng rất quyết tâm bảo vệ thành quả cách mạng. Bên cạnh đó, trung nông cũng tích cực đóng góp sức người, sức của cho kháng chiến, hăng hái tham gia các phong trào đấu tranh vũ trang, chính trị, binh vận. Với sự ra đời của tầng lớp này, khối liên minh công nông đã được tăng cường, đây là một trong những nhân tố đảm bảo cho sự thắng lợi của cuộc kháng chiến.

Còn đối với phú nông thì khuynh hướng chuyển sang kinh doanh công thương nghiệp theo lối tư sản bước đầu phát triển. Lúc này, đồng thời với sự suy yếu của giai cấp địa chủ về sở hữu ruộng đất thì thành phần kinh tế của tầng lớp phú nông cũng đã có khả năng phát triển nhất định. Những hoạt động công thương nghiệp cũng ngày càng phát triển và có tác động mạnh mẽ đến nông thôn miền Nam. Trong khi đó,

kinh tế phú nông là thành phần tiêu biểu cho quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa ở nông thôn. Do vậy nó cũng ra đời và phát triển theo quy luật chung về sự ra đời và phát triển của kinh tư bản chủ nghĩa trong nông nghiệp. Kinh tế phú nông nảy sinh từ kinh tế tiểu nông. Chính vì vậy mà một khi ta thực hiện chính sách ruộng đất, cấp phát ruộng đất cho nông dân, tức là mở rộng kinh tế tiểu nông thì về mặt khách quan những trung nông khá giả có khả năng phát triển lên thành phú nông. Từ cuối những năm 60, ở nông thôn vùng giải phóng Nam Bộ, kinh tế phú nông, chủ nghĩa tư bản trong nông nghiệp đã có điều kiện phát triển.

Mặc dù khả năng tự phát tư bản chủ nghĩa trong thực tế đã trở thành hiện thực ở một mức độ đáng kể, tuy vậy chính sách ruộng đất của ta vẫn có tác dụng hạn chế khả năng tự phát này.

Tóm lại, có thể nói rằng vào những năm trước 1970, ở vùng giải phóng của miền Nam chế độ sở hữu ruộng đất của địa chủ đã bị xóa bỏ cơ bản, giai cấp địa chủ hầu như không còn được coi là một giai cấp nữa. Tầng lớp trung nông phát triển mạnh còn phú nông bắt đầu chuyển sang kinh doanh tư bản chủ nghĩa. Ruộng đất về tay nông dân lao động.

Trước thắng lợi của phong trào cách mạng trước 1970, đồng thời rút kinh nghiệm thất bại của Diệm trong chính sách “cải cách điền địa”, Mỹ càng thấy cần phải đưa ra một chiêu bài mới về vấn đề ruộng đất khác hẳn với những gì mà Diệm đã làm. Để chống phá phong trào cách mạng miền Nam, Mỹ buộc phải có chính sách mới đối với nông dân, đặc biệt là chính sách ruộng đất để tranh thủ nông dân, tách nông

dân ra khỏi ảnh hưởng của cách mạng, cắm sâu chủ nghĩa thực dân mới vào tới tận thôn, xã, tạo ra hình thức bóc lột mới bằng cách phát triển chủ nghĩa tư bản trong nông nghiệp, tạo cơ sở xã hội mới cho chế độ chính trị của Mỹ - Ngụy. Đối với địa chủ, Mỹ - Thiệu chủ trương “tạo mọi điều kiện để địa chủ sang kinh doanh tư bản chủ nghĩa, biến chúng thành tư sản mại bản, thành một lực lượng phản động, trung thành với chế độ thực dân mới” [6, tr. 25].

Ngày 26-3-1970, dưới sức ép của Mỹ và bằng đồng đô la viện trợ, Nguyễn Văn Thiệu đã ký ban hành luật “người cày có ruộng” với mong muốn tranh thủ được “trái tim” và “khối óc” của người nông dân. Với luật này, Nguyễn Văn Thiệu đã ba hoa: “hôm nay là ngày vui sướng nhất trong đời tôi”, “tôi long trọng tuyên bố ngày 26-3 là ngày nông dân Việt Nam”. “Luật “người cày có ruộng” là một đạo luật thật sự cách mạng, đem lại một tinh thần mới cho nông thôn”, “một đạo luật ảnh hưởng quyết định đến sự sống còn của đất nước, đến tương lai của dân tộc, vì nó đáp ứng nguyện vọng tha thiết của đại đa số dân chúng” [6, tr. 24].

Nội dung luật “người cày có ruộng” gồm 6 chương, 22 điều, trong đó có những quy định cơ bản sau: hạ thấp “suất hưu trí” để lại cho địa chủ từ 100 ha (theo dụ số 57 của Diệm) xuống còn 15 ha ở Nam Bộ và 5 ha ở Trung Bộ; cấp không ruộng đất cho nông dân, xóa bỏ chế độ tá canh.

Dưới tác động của luật “người cày có ruộng” thì chế độ sở hữu ruộng đất của địa chủ đã có sự chuyển biến mạnh mẽ trong thời kỳ. Theo số liệu của tổng nha điền địa ngụy quyền thì đến ngày

17-5-1974, chúng đã “cấp phát” ruộng đất ở Nam Bộ là 1.154.371 ha. Cũng theo tổng kết của chúng thì đến ngày 26-4-1974, chúng đã có 151 tỷ đồng bồi thường cho địa chủ và “người kế thừa” [1, tr. 132]. Nhưng thực chất những số liệu này có phải là kết quả của quá trình “truất hữu” và “cấp phát” hay không?

Trước hết, chúng ta đã biết rằng từ những năm 1970, ở những vùng giải phóng, chế độ sở hữu ruộng đất của địa chủ đã bị xóa bỏ về cơ bản, ruộng đất hầu hết đã về tay nông dân. Từ năm 1969 trở đi, Mỹ - Thiệu đã tiến hành “bình định nông thôn”, chúng bắt nông dân kê khai và cấp chứng khoán cấp đất trên những ruộng đất mà cách mạng đã cấp phát. Còn những vùng mà do điều kiện chiến tranh, Đảng ta chưa kịp cấp phát thì lại tiếp tục “truất hữu” ruộng đất của những địa chủ còn quyền sở hữu và cấp phát cho nông dân. Điều đáng chú ý là ở những vùng tạm chiếm số ruộng đất “truất hữu” của địa chủ cấp phát cho nông dân nghèo thường chỉ chiếm một tỷ lệ nhỏ. Bên cạnh đó, Mỹ - Thiệu cũng đã tiến hành bình định nông thôn, nhiều nông dân ở đồng bằng Nam Bộ phải bỏ làng mạc vào sống ở đô thị để lại ruộng đất cho chúng chiếm đoạt. Tuy vậy, vào thời kỳ này, trong điều kiện có chính quyền, có lực lượng cách mạng lớn mạnh nên việc cướp đoạt ruộng đất của Mỹ - Thiệu không thực hiện được nhiều. Cho đến năm 1975, ở miền Nam, Mỹ - Thiệu chỉ cướp được 20.000 ha ruộng đất [1, tr. 130].

Vào đầu những năm 70, đa số nông hộ ở những vùng giải phóng rộng lớn là trung nông, còn ở những vùng tranh chấp và vùng tạm chiếm có nhiều ảnh hưởng của phong trào cách mạng (vùng

kìm lỏng) thì có thể coi phần lớn tá điền đã có vị trí gần như là trung nông. Mặt khác, với luật “người cày có ruộng” ra đời vào tháng 3-1970 của Mỹ - Thiệu, ở vùng tạm chiếm, đại bộ phận ruộng đất của địa chủ còn lại tiếp tục chia cấp cho nông dân, việc này đã góp phần tạo điều kiện cho sự ra đời của tầng lớp trung nông mới, đẩy mạnh tiến trình trung nông hóa miền Nam. Tầng lớp trung nông lúc này đã thực sự trở thành nhân vật trung tâm, đóng vai trò quyết định trong sản xuất. Việc du nhập công cụ cơ khí và kỹ thuật vào nông thôn đồng bằng Nam Bộ đã giúp cho tầng lớp trung nông có điều kiện nâng cao sức lao động của mình hơn nữa. Mặt khác, tầng lớp trung nông còn phân hóa thành hai loại:

Loại thứ nhất là tầng lớp trung nông khá giả. Những trung nông loại này có dư ra chút ít ruộng đất so với sức lao động của gia đình họ. Họ tự lao động sản xuất là chính, ngoài ra họ cũng có thể thuê mướn một phần nhân công làm thuê hoặc kinh doanh thêm.

Loại thứ hai là trung nông thường và nghèo. Tầng lớp trung nông này cũng có ruộng đất và máy móc, họ tự canh tác và không bóc lột. Có thể thấy rằng, ở nông thôn, đây là tầng lớp đông đảo nhất chiếm tỷ lệ khá cao, nhưng thực tế bình quân ruộng đất của mỗi hộ thì lại thấp hơn trung nông khá giả và lại thường thấp hơn so với mức sở hữu bình quân chung. Nhìn chung, tầng lớp này có kinh tế không ổn định, thường xuyên phải chịu sự chi phối của tầng lớp phú nông, tư sản nông thôn trong quá trình sản xuất nông nghiệp. Trong quá trình phân hóa thì xu hướng tất yếu của tầng lớp này là rơi xuống nông dân nghèo.

Với những khẩu hiệu “hữu sản hóa nông dân”, thực hiện “tư bản đại chúng” mà Mỹ - Việt Nam Cộng hòa đã nêu lên, theo đó chúng đã cho nhập hàng loạt máy móc, công cụ, phân hóa học, giống mới vào nông thôn, phát triển mạnh tín dụng nông nghiệp, thúc đẩy “canh tân, canh tác”. Mặt khác, luật “người cày có ruộng” của Mỹ - Thiệu cho phép địa chủ giữ lại 15 ha để trực canh, không kể 15 ha “hương hỏa”. Tất cả những điều này đã tạo điều kiện cho nhiều địa chủ chuyển sang kinh doanh tư bản chủ nghĩa dựa trên máy móc và kỹ thuật nông nghiệp.

Cùng với sự xâm nhập ngày càng mạnh mẽ của kinh tế thực dân kiểu mới vào miền Nam, kinh tế của tầng lớp trung nông cũng phát triển tự phát theo hướng tư bản chủ nghĩa do đó có một số hộ trung nông cũng đã chuyển hóa thành phú nông, tư bản nông thôn.

Bên cạnh đó, Mỹ - Ngụy cũng mở rộng kinh doanh tư bản chủ nghĩa của những hộ phú nông từ trước năm 1970 (cả vùng giải phóng và vùng tạm chiếm). Với điều kiện phát triển như vậy, quy mô sở hữu của họ vượt ngoài khả năng canh tác của gia đình rất nhiều.

Nhìn chung, cho đến trước ngày giải phóng năm 1975, ở nông thôn Nam Bộ, tầng lớp phú nông, tư bản nông thôn đã có điều kiện nhất định để phát triển, mặc dù vậy tầng lớp này vẫn chưa hình thành rõ nét với tư cách là một giai cấp thống trị ở nông thôn. Họ đã bị kìm hãm bởi những tàn dư bóc lột phong kiến và trong thực tế đã cho thấy xu hướng phát triển của tầng lớp này bị chặn lại sau năm 1975.

2.2. Tác động của chính sách ruộng đất đối với sự phát triển kinh tế - xã hội ở miền Nam

2.2.1. Sự phân hóa nông dân - quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa trong nông nghiệp miền Nam giai đoạn 1955 - 1970

Ở giai đoạn đầu (1955 - 1960), dưới tác động của chính sách “cải cách điền địa” của Mỹ - Diệm, chế độ sở hữu ruộng đất của địa chủ đã được khôi phục và tiếp tục duy trì. Các đạo dụ mà Diệm đưa ra không chỉ giúp địa chủ vừa kinh doanh ruộng đất tư bản bằng bóc lột địa tô mà còn chuyển sang kinh doanh công thương nghiệp, tạo dần cơ sở xã hội rộng rãi cho chính quyền Ngô Đình Diệm. Chính điều đó đã làm cho quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa trong nông nghiệp xuất hiện. Tuy còn hết sức nhỏ bé nhưng quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa trong nông nghiệp giai đoạn này đã tạo điều kiện cho sự phát triển nông nghiệp theo hướng tư bản chủ nghĩa ở đồng bằng miền Nam giai đoạn sau.

Cuối những năm 60, đầu những năm 70 sự phân hóa nông dân theo hướng tư bản chủ nghĩa ở nông thôn miền Nam có điều kiện phát triển. Sự phân hóa này bước đầu đã hình thành hai loại dân cư mới trong nông nghiệp là phú nông - tư bản nông thôn và những nông dân lao động làm thuê. Kinh tế nông nghiệp miền Nam nói chung có sự biến đổi theo khuynh hướng tư bản chủ nghĩa. Chính sách ruộng đất của chính quyền Cách mạng và chính quyền Sài Gòn tuy nhằm mục đích thống trị khác nhau nhưng đã dẫn đến một kết quả: trong khu vực trồng lúa và hoa màu phụ, về cơ bản chế độ ruộng đất theo kiểu phong kiến ở nông thôn miền Nam đã bị tàn lụi và thay vào

đó là chế độ sở hữu nhỏ về ruộng đất của những người tiểu nông. Sự chuyển biến này có ý nghĩa tích cực đối với quá trình phát triển sản xuất nông nghiệp.

Kết quả kiểm tra canh nông năm 1960 - 1961 ở miền Nam, mà chủ yếu là ở Đồng bằng sông Cửu Long, cho thấy quy mô của các hộ canh tác ruộng đất (ruộng lúa và hoa màu) (bảng 1).

Bảng 1: Quy mô của các hộ canh tác ruộng đất ở miền Nam năm 1960 - 1961

Hạng diện tích trực canh	Số hộ trực canh	Tỷ lệ % hộ	Diện tích trực canh	Tỷ lệ % diện tích
Hộ dưới 0,1 ha	168.805	14,36	5.127	0,25
0,1 - 0,5 ha	161.173	13,71	37.613	1,84
0,5 - 1 ha	166.333	14,15	107.522	5,25
1 - 2 ha	300.031	25,51	385.747	19,04
2 - 3 ha	168.538	13,05	355	17,38
3 - 5 ha	134.240	11,41	465.102	22,72
5 - 10 ha	67.363	5,73	424.330	20,73
10 - 50 ha	17.017	1,45	232.293	11,35
50 - 100 ha	258	0,02	17.647	0,86
Trên 100 ha	71	0,05	11.875	0,58
Nam Bộ	1.175.829	100	2.046.872	100

(Nguồn [1, tr. 47])

Những hộ trên 5 ha chiếm 7,21% số hộ đang canh tác nhưng lại chiếm 33,5% diện tích canh tác. Trong đó những hộ từ 5 - 10 ha chiếm 7,73% số hộ và 20,37% diện tích canh tác, những hộ từ 10 - 15 ha chiếm 1,45% hộ và 11,35% diện tích canh tác. Nếu lấy 5 ha là một diện tích tối đa mà một gia đình trung bình 5 người có thể tự canh tác bằng lao động của gia đình thì bình quân những hộ canh tác trên 5 ha nói trên bắt buộc phải bóc lột lao động làm thuê. Quy mô canh tác càng cao thì tính chất bóc lột lao động làm thuê càng lớn. Có thể chia các tầng lớp canh tác chủ yếu bằng bóc lột lao động làm thuê làm bốn loại [1, tr. 50-53]:

Những hộ canh tác trên đất riêng của mình, họ chủ yếu hay hoàn toàn sử dụng bằng lao động làm thuê. Bộ phận

này ở miền Nam chiếm 1,38% số hộ (họ là một bộ phận trung nông khá giả, phú nông, tư sản nông thôn, địa chủ trực canh) và 7,18% diện tích canh tác.

Loại hộ vừa có đất nhà vừa mượn thêm đất để canh tác chủ yếu là để mở rộng quy mô kinh doanh dựa trên cơ sở bóc lột lao động làm thuê. Những hộ này chiếm khoảng 3,36% số hộ canh tác và 16,7% diện tích canh tác ở Nam Bộ.

Loại hộ mượn đất canh tác chủ yếu hay hoàn toàn bóc lột lao động làm thuê. Những hộ này chiếm khoảng 1% số hộ và 8,94% diện tích canh tác ở Nam Bộ.

Loại hộ canh tác không phải là đất nhà hay đất mượn. Số hộ này chiếm khoảng 0,31% số hộ và 0,7% diện tích canh tác ở Nam Bộ.

Nguồn cung cấp lao động làm thuê cho những hộ kinh doanh ruộng đất bằng cách bóc lột là từ tầng lớp bần cố nông. Lực lượng lao động làm thuê này ở Nam Bộ có thể chia ra làm bốn loại [1, tr. 56-57]:

Loại hộ nông dân có đất riêng để canh tác nhưng không đủ, họ phải làm thuê kiếm sống. Loại này chiếm 10,4% số hộ và 1,96% diện tích canh tác.

Loại hộ tá điền hoàn toàn không có đất riêng nên phải canh tác trên đất mướn, nhưng vì diện tích đất thuê mướn nhỏ nên họ lại phải lao động thêm. Loại này chiếm 21,25% số hộ và 3,29% diện tích canh tác.

Loại hộ nông dân vừa có đất riêng, vừa mướn thêm đất và có thêm một ít đất khác nhưng cũng đi làm thuê vì diện tích đất canh tác nhỏ. Loại này chiếm 9,53% số hộ và 1,63% diện tích canh tác.

Loại hộ canh tác trên đất không phải đất riêng, đất mướn có quy mô dưới 1ha. Loại này chiếm 4,6% số hộ và 0,47% diện tích canh tác.

Những số liệu trên đã phác họa tổng quát về số lượng và quy mô canh tác của lực lượng bóc lột lao động làm thuê. Qua đó cũng phản ánh sự tồn tại của quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa bên cạnh quan hệ sản xuất phong kiến của mức độ lao động nhất định. Dưới tác động của chương trình “cải cách điền địa” của Diệm ở thời kỳ 1955 - 1960, chế độ sở hữu ruộng đất của địa chủ được khôi phục, đồng thời khuyến khích địa chủ đầu tư vào công thương nghiệp, duy trì và tạo điều kiện cho quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa trong nông nghiệp đã xuất hiện tuy còn nhỏ

bé. Quan hệ sản xuất này tiếp tục phát triển ở giai đoạn sau (1960 - 1975).

2.2.2. Sự chênh lệch về sở hữu ruộng đất và quan hệ bóc lột tư bản chủ nghĩa ở nông thôn miền Nam giai đoạn 1970 - 1975

Như chúng ta đã biết, ở miền Nam thời kỳ này, chế độ sở hữu ruộng đất của giai cấp địa chủ phong kiến đã bị xóa bỏ về cơ bản, đại bộ phận ruộng đất canh tác về tay nông dân lao động. Tuy vậy, ở mức độ sở hữu ruộng đất giữa các tầng lớp nông dân nói riêng, các giai cấp ở nông thôn nói chung và giữa các địa phương còn có sự chênh lệch. Sở dĩ có sự chênh lệch như vậy là do tác động của luật “người cày có ruộng” của Mỹ - Thiệu cộng với việc ta chưa giải quyết được một cách triệt để về vấn đề ruộng đất (chưa đồng đều) do điều kiện chiến tranh. Bên cạnh đó là sự phát triển của nền kinh tế hàng hóa là điều kiện thuận lợi cho sự tập trung ruộng đất vào tay một số ít nông dân khá giả, phú nông. Mức độ của sự chênh lệch này cũng khá cao, có thể đưa ra hai ví dụ như sau: theo điều tra của Nông vận R vào tháng 9 và tháng 10-1971 ở ấp điểm Tất Chúc (xã Nhân Hội) bình quân sở hữu ruộng đất của mỗi hộ là 1,3 ha, hộ có mức sở hữu thấp nhất là 0,18 ha và cao nhất là 8 ha; cũng theo điều tra của Nông vận R vào 9-1972 bình quân sở hữu ruộng đất ở ấp điểm Phú Hiệp (xã Phú Hữu) là 3,1 ha/hộ, nhưng sự chênh lệch về sở hữu ruộng đất giữa hộ không có ruộng đất và hộ nhiều ruộng đất là 10 ha [1, tr. 136]. Sự chênh lệch về sở hữu ruộng đất này vẫn còn tồn tại cho đến tận sau ngày đất nước giải phóng mặc dù ta đã chủ trương xóa bỏ tàn dư chế độ chiếm hữu ruộng đất của địa chủ

phong kiến và điều chỉnh phân nào tình hình ruộng đất. Sự chênh lệch này đã tạo ra hệ quả là sự phân hóa thành những tầng lớp khác nhau trong nông dân nông thôn miền nam giai đoạn 1970 - 1975, cụ thể có thể phân chia thành bốn tầng lớp sau: phú nông - tư sản nông thôn, trung nông, nông dân nghèo và những hộ không sản xuất nông nghiệp:

Phú nông - tư sản nông thôn là tầng lớp có nhiều ruộng đất và máy móc, thu nhập chủ yếu của họ từ sự thuê mướn nhân công để vừa kinh doanh ruộng đất vừa kinh doanh máy móc hoặc chuyển sang kinh doanh máy nông nghiệp.

Trung nông cũng sở hữu một lượng máy móc và ruộng đất khá cao.

Nông dân nghèo là tầng lớp nông dân không có ruộng đất hoặc thiếu ruộng đất nên hoàn toàn hay chủ yếu là đi lao động làm thuê. Thời kỳ 1970 - 1975, trong nông thôn miền Nam đã tồn tại khá đông đảo tầng lớp này. Đây là lực lượng chính cung cấp sức lao động làm thuê cho phú nông, tư sản nông thôn và trung nông khá giả. Họ bị bóc lột sức lao động vừa theo phương thức tư bản chủ nghĩa vừa theo phương thức phong kiến.

Những hộ không sản xuất nông nghiệp: chủ yếu kiếm sống bằng buôn bán, rèn mộc, may mặc, cắt tóc,... chiếm khoảng 2,01% số hộ [1, tr. 147].

Về quan hệ bóc lột tư bản chủ nghĩa ở nông thôn miền Nam cuối những năm 60, đầu những năm 70, quá trình cơ khí hóa nông nghiệp miền Nam đã có những bước phát triển đáng kể. Những biến đổi về cơ sở vật chất trong nông nghiệp miền Nam đã tạo ra những tiền đề làm thay đổi căn bản tập quán và quy trình sản xuất nông nghiệp. Trong nhiều vùng ở nông thôn miền Nam, trâu cày,

phân chuồng, cối xay,... không còn được dùng bao nhiêu, muốn sản xuất thì nông dân phải cần đến phân bón, máy móc, xăng dầu,... và họ thường phải mua những thứ ấy với giá khá đắt.

Mặt khác, do tác động của chính sách kinh tế, chính sách ruộng đất “hữu sản hóa”, “canh tân hóa”, “bồi thường cho địa chủ” mà khuynh hướng kinh doanh ngoài nông nghiệp trong nông thôn miền Nam đã được thúc đẩy phát triển nhiều hơn trước. Những hoạt động kinh doanh này đã ngày càng thu hút khá đông sự tham gia của địa chủ, phú nông, trung nông khá giả,... Ở nông thôn miền Nam thời kỳ này đã xuất hiện thêm nhiều tiệm may quần áo, tiệm bán xăng nhớt, sửa chữa cơ khí, các loại hàng hóa bày bán và các phương tiện giao thông vận tải (xe gắn máy, xe lam, ghe máy,...) cũng ngày càng gia tăng.

Chính sự phát triển của những hoạt động kinh doanh ngoài nông nghiệp này đã làm cho quá trình tích lũy, tập trung sản xuất của những hộ phú nông, tư sản nông thôn được đẩy mạnh thêm. Còn thu nhập của những hộ nông dân lao động lúc này cũng không còn đơn thuần chỉ dựa vào ruộng đất như trước đây, quá trình phân hóa trong nông dân được thúc đẩy mạnh thêm, khuynh hướng tự phát tư bản chủ nghĩa phát triển mạnh hơn. Bên cạnh đó là sự xuất hiện ngày càng nhiều những cơ sở kỹ nghệ dịch vụ phục vụ nông nghiệp nông thôn miền Nam đã khiến cho nông dân sản xuất và tiêu thụ trong một quan hệ mới - quan hệ tư bản chủ nghĩa, những đơn vị sản xuất và cơ sở kinh doanh ở nông thôn bước đầu gắn chặt với hệ thống kinh doanh tư bản ở thành thị.

Giai cấp tư sản mà trên hết là tư sản mại bản đã thông qua mạng lưới buôn

bán nhập lượng nông nghiệp, lúa gạo cũng như thông qua hệ thống tín dụng để trực tiếp hay gián tiếp bóc lột nông dân. Chẳng hạn như ở huyện Cai Lậy, nông dân mua phân thiếu thì bị thiệt gấp hai lần mua phân có tiền ngay, hoặc bán lúa xấu cho chúng thì giá thấp hơn 25% lúa tốt [1, tr. 154].

Bên cạnh đó hệ thống ngân hàng cho vay lắt lể, bóc lột nông dân, làm cho chi phí của nông dân lên cao, thu nhập thực tế của họ bị hạn chế. Ở huyện Cai Lậy, theo điều tra của Ban Nông nghiệp Trung ương thì khoảng 40 - 50% thu nhập của nông dân bị hệ thống kinh doanh tư bản chủ nghĩa bóc lột [1, tr. 154].

Như vậy, mối quan hệ giữa thành thị và nông thôn - quan hệ bóc lột của giai cấp tư sản thành thị đối với nông dân ở đồng bằng Nam Bộ ngày càng được siết chặt thông qua “trao đổi” hàng hóa, chủ yếu là nhập lượng nông nghiệp và lúa gạo.

3. Kết luận

Nếu như sau cuộc kháng chiến chống Pháp của nhân dân ta kết thúc thắng lợi, chế độ sở hữu ruộng đất của giai cấp địa chủ bị xóa bỏ về cơ bản thì bước vào cuộc kháng chiến chống Mỹ ở giai đoạn đầu 1955 - 1960, dưới tác động của chính sách “cải cách điền địa” của Mỹ - Diệm, chế độ sở hữu ruộng đất của địa chủ đã được khôi phục và tiếp tục duy trì. Sang giai đoạn 1960 - 1970, do tác động của chính sách ruộng đất của Đảng, giai cấp địa chủ lại bị suy sụp dần về chế độ sở hữu ruộng đất. Đến giai đoạn 1970 - 1975, khi Mỹ - Thiệu nhận thấy không thể tiếp tục duy trì phương thức bóc lột theo lối của phong kiến địa chủ được nữa, chúng

ban hành luật “người cày có ruộng” tiếp tục xóa bỏ chế độ sở hữu của địa chủ về ruộng đất. Mặc dù có nhiều sự xáo trộn nhưng nhìn chung trong suốt cuộc kháng chiến, xu hướng chính của chế độ sở hữu ruộng đất của địa chủ miền Nam là sự suy yếu dần và cuối cùng là dẫn đến sự tan rã. Cho đến ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, phần lớn ruộng đất đã về tay nông dân, chế độ sở hữu ruộng đất của địa chủ về cơ bản đã bị xóa bỏ.

Song song với quá trình suy yếu và tan rã của giai cấp địa chủ và chế độ tá canh ở miền Nam là quá trình hình thành và phát triển của tầng lớp trung nông. Mặt khác, đầu những năm 70, dưới tác động của luật “người cày có ruộng” của Thiệu cùng với những biện pháp đẩy mạnh sự xâm nhập của tư bản chủ nghĩa vào nông thôn, nông nghiệp miền Nam đã tạo điều kiện cho sự phát triển về kinh tế và sở hữu ruộng đất của phú nông, tư sản nông thôn ở mức độ nhất định. Đồng thời cũng dưới tác động của chính sách ruộng đất của Mỹ - Thiệu cộng với việc ta chưa giải quyết được triệt để vấn đề ruộng đất do chiến tranh, ở nông thôn miền Nam 1970 - 1975, có sự chênh lệch lớn về sở hữu ruộng đất và sự chênh lệch này vẫn còn tiếp tục tồn tại đến sau ngày giải phóng. Cùng với sự xâm nhập kinh tế thực dân mới của đế quốc Mỹ, nông dân Nam Bộ đã có sự phân hóa, nông nghiệp cũng bắt đầu phát triển theo hướng tư bản chủ nghĩa. Mối liên hệ này đã phát triển khá chặt chẽ. “Chủ nghĩa tư bản ở miền Nam tuy mới bước đầu phát triển nhưng đã “bám rễ” khá vững chắc ở cả thành thị và nông thôn” [1, tr. 163].

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Võ Văn Sen (1995), *Vấn đề ruộng đất ở đồng bằng sông Cửu Long của Việt Nam, Tập 1*, Nxb Tủ sách Đại học Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh
2. Phạm Quang Ngọc (1998), *Cơ cấu xã hội trong quá trình phát triển của lịch sử Việt Nam*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội
3. Trần Hữu Đính (1994), *Quá trình biến đổi về chế độ sở hữu ruộng đất và cơ cấu giai cấp ở nông thôn đồng bằng Sông Cửu Long (1969 - 1975)*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội
5. Trần Hữu Đính (1991), “Quá trình trung nông hóa ở đồng bằng sông Cửu Long (1945 - 1975)”, *Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử*, số 4 (267), tr. 11-19
5. Nguyễn Công Bình (1961), “Sự phân hóa về chính trị trong các tầng lớp địa chủ miền Nam ngày nay”, *Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử*, số 27, tr. 6- 22
6. Cao Văn Lượng (1976), “Chính sách ruộng đất của Mỹ - Ngụy ở miền Nam Việt Nam”, *Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử*, số 6 (171), tr. 16-29

**THE IMPACT OF LAND POLICY ON SOCIO-ECONOMIC
DEVELOPMENT IN THE SOUTH OF VIETNAM
IN THE RESISTANCE WAR AGAINST AMERICA EMPIRE**

ABSTRACT

After the Dien Bien Phu victory and the signing of the Geneva Agreement in 1954, the United States of America replaced France to rule the South in the new form of colonialism. During 20 years of invasion war in the South of Vietnam, the American Empire and Saigon government always considered “land reform” and “rural pacification” as “national policies” and an important factor that decided the success or failure of the war. Farmers - rural areas became the objects and areas fiercely fought between us and our enemy during this long and fierce war. The land policies of the US – the Republic of Vietnam, and the Revolutionary government made a tremendous socio-economic change in the Southern rural area during this period. This article focuses on two main following issues: one is the land reform of the American Empire - the Republic of Vietnam and the Revolutionary government, and the other is the impact of these policies on agriculture and rural areas in the South in the resistance war against American Empire.

Keywords: *Lend reform, plow farmers, land policies*

(Received: 10/12/2019, Revised: 25/2/2020, Accepted for publication: 12/3/2020)